

Số: 14110 /GPMT-UBND

Long Thành, ngày 16 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Văn bản số 747/CV-BQL ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án "Trụ Sở Ủy ban nhân dân xã Phước Bình"; Văn bản số 842/CV-BQL ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Trụ Sở Ủy ban nhân dân xã Phước Bình" và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1768/TTr - TNMT ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Văn bản số 4742/TNMT ngày 10 tháng 12 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án huyện Long Thành, địa chỉ tại ấp 3, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phước Bình" tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phước Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về thành lập Ban Quản lý dự án huyện Long Thành.

1.4. Mã số thuế: 3602288694.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất dự án có diện tích 10.955 m², trong đó: diện tích đất nằm trong chỉ giới quy hoạch là 801,08 m², diện tích đất còn lại của dự án là 10.153,2m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án huyện Long Thành được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án huyện Long Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 16 tháng 12 năm 2024 đến ngày 16 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án huyện Long Thành;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Bình;
- Lưu: VT - NN (PTN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Thân



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC
THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4110/GPMT-UBND ngày 16 tháng 12 năm
2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên trụ sở;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân đến liên hệ thủ tục hành chính.
- Dự trù 1 đường ống dẫn nước thải sinh hoạt từ Trụ sở Công an xã về trạm xử lý nước thải 10 m³/ngày.đêm khi dự án hoàn thành.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam 14:2008/BTNMT, Cột A, K =1,0 khi hạ tầng đường Phước Bình chưa hoàn thiện sẽ được thu gom và tái sử dụng cho mục đích tưới cây. Khi hạ tầng đường Phước Bình trước công dự án hoàn thiện, Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực sau đó chảy ra suối Cầu Vạt, nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Thị Vải.

2.2. Vị trí xả nước thải: khi hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Phước Bình (trước công dự án) đã được đầu tư hoàn chỉnh, Chủ đầu tư sẽ thu gom đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung trên đường Phước Bình, sau đó chảy về Suối Cầu Vạt, nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Thị Vải. toạ độ đấu nối X(m): 1181102.7934; Y(m): 427912.3442 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: gián đoạn 24/24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia đối với nước thải sinh hoạt Quy chuẩn Việt Nam 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT , cột A, K = 1,0	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	6	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải từ bể tự hoại của các nhà vệ sinh (03 bể tự hoại ba ngăn bằng vật liệu bê tông cốt thép: 02 bể thể tích 8 m³, 01 bể thể tích 4 m³) được thu gom bằng ống uPVC Ø168, I=0,5% dẫn nước thải từ bể tự hoại về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay, tắm, giặt, vệ sinh sàn (nguồn xám) được thu gom theo đường ống uPVC Ø90, Ø114; Ø140 dẫn về hố ga sau đó thu gom theo hệ thống đường ống nhựa uPVC Ø168, I = 0,5%, dẫn về HTXL nước thải của dự án để tiếp tục xử lý

- Nước thải từ bể tách dầu mỡ tại khu vực nấu ăn (01 bể tách dầu mỡ bằng vật liệu inox, thể tích 1,5 m³) được thu gom bằng ống nhựa uPVC Ø168, I=0,5%

dẫn nước thải từ bể tách dầu mỡ về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày.đêm.

- Dự phòng 1 tuyến nước thải dẫn nước thải sinh hoạt từ Trụ sở Công an xã để đầu nối vào hệ thống đường ống nước thải dẫn về Trạm xử lý nước thải chung

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine/Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Thiết kế bể điều hòa có thể tích đủ chứa lượng nước thải phát sinh của cơ sở trong 16 giờ. Trong thời gian này có thể khắc phục các sự cố đơn giản và kịp thời.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý định kỳ;

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa như: máy bơm, máy thổi khí...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 01 tháng (dự kiến bắt đầu sau khi hoàn thiện các công trình xây dựng và lắp đặt).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần. Trong đó: đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải trước xử lý và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng toàn bộ các hoạt động có phát sinh nước thải của dự án cho đến khi khắc phục xong sự cố.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

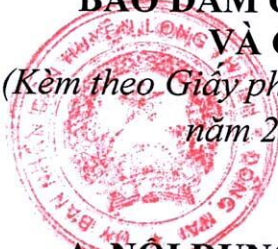
3.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14.11.0./GPMT-UBND ngày 16. tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông tại công Trục sở.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, công suất 10 m³/ngày.đêm (hoạt động của máy thổi khí, máy bơm).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ X = 1181113.049; Y = 427916.069

Nguồn số 02: Tọa độ X = 1181095.810; Y = 427934.898 ;

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm, máy thổi khí theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế kịp thời các máy bơm, máy thổi khí khi đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1401.0./GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Rắn	24	16 01 06	NH
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	4	16 01 12	NH
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	40	16 01 13	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (KS)	Rắn	24	18 02 01	KS
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải (KS)	Rắn	12	18 01 01	KS
6	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải (KS)	Rắn	12	18 01 03	KS
	Tổng cộng		116		



1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

ST T	Chất thải rắn thông thường	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải (bùn sinh học)	Bùn	511	-	TT
2	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	3.000	-	TT
3	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	Rắn	50	18 01 05	TT-R
4	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo thải).	Rắn	10	08 02 08	TT
Tổng			3.571		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Chất thải rắn thông thường	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	94,5
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	20,28
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	20,22
Tổng cộng		135,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 06 thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 120L

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích khu lưu chứa: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Tường xây gạch, nền bê tông, mái tôn, gờ chống tràn, nền chống thấm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 09 thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 120L.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa: diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Tường xây gạch, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ - CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT - BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14440../GPMT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án. Chủ dự án phải thực hiện cải tạo hệ thống thoát nước từ ranh dự án đến nguồn tiếp nhận trước khi đưa dự án đi vào hoạt động.
2. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
4. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.
10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.